

Bản án số: 71/2017/HSST

Ngày: 19/12/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Luật, bà Nguyễn Thị Phương Nga

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bách - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyễn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách.

Ngày 19/12/2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 74/2017/HSST ngày 28/11/2017 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn T- sinh năm 1987;

ĐKHKT và chỗ ở: thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12;

Con ông: Nguyễn Văn P và bà Đỗ Thị N;

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con ba trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/9/2017 đến ngày 02/10/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam K, Công an tỉnh Hải Dương;

Có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị A - sinh năm 1996;

ĐKHKT: thôn V, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở: Số nhà 4, khu 6, phường V, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12;

Con ông: Nguyễn Văn D và bà Trương Thị Y;

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con hai trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/9/2017 đến ngày 02/10/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam K, Công an tỉnh Hải Dương;

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Hùng D, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 1, Khu 11, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Vũ Đức K, sinh năm 1998; Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị A có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau. Khoảng giữa tháng 9/2017, T đến khu vực G thuộc thành phố H, tỉnh Hải Dương mua của người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ 01 gói ma túy đá với giá 1.000.000 đồng. T đem gói ma túy đá trên về phòng trọ của A san ra làm 07 gói nilon nhỏ kích thước 1,5 x 1,5 cm, và 01 gói nilon kích thước 3 x 6 cm, để tại phòng trọ rồi nói với A nếu có ai hỏi mua thì bán với giá 300.000 đồng một gói. Đến khoảng 16 giờ, ngày 29/9/2017, Vũ Đức K, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã C, huyện N, tỉnh Hải Dương và Nguyễn Hùng D, sinh năm 1984; trú tại Tổ 1, Khu 11, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh bàn bạc với nhau góp mỗi người 150.000 đồng để mua ma túy đá về sử dụng. Do D có quen biết từ trước và biết T, A có ma túy đá bán nên D dùng số điện thoại 0986.620.009 gọi đến số 0934.204.901 của A hỏi mua 300.000 đồng tiền ma túy đá. A đồng ý, cả hai hẹn nhau đến khu vực cổng Ủy ban nhân dân xã T, huyện N để giao dịch. Khoảng 17 giờ cùng ngày, A điều khiển mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Airblade màu đen biển số 30H3-8894 (A khai là xe của T) đến khu vực Ủy ban nhân dân xã T. Gặp D và K, A đưa cho D 01 gói nilon có kích thước 1.5x1.5cm bên trong chứa ma túy đá, D đưa cho A số tiền 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, D đưa gói ma túy cho K cầm và đút vào túi quần bên phải, cả hai đi taxi đến thị trấn S. Khi D, K đang đi bộ tìm địa điểm để sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra, thu giữ trong túi quần bên phải

trước bên phải của K đang mặc 01 gói nilon có kích thước 1.5x1.5cm bên trong chứa ma túy đá (niêm phong ký hiệu mẫu số 1) và thu của D 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu mastel lắp sim số 0986.620.009. D và K khai nhận số ma túy trên mua của Nguyễn Thị A. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Nam Sách tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà trọ của A, thu giữ 01 điện thoại Iphone màu trắng lắp sim số 0934.204.901; số tiền 300.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Airblade màu đen biển số 30H3-8894; 01 chiếc tất chân màu đen bên trong có 06 gói nilon có chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong ký hiệu mẫu số 2). T khai nhận số ma túy sau khi san ra, T đã sử dụng một mình hết 01 gói tại phòng trọ của A, còn lại nếu có ai mua bán kiếm lời.

Tại Kết luận giám định số 1044/KLGD ngày 30/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu số 1 gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,0935 gam, là loại Methamphetamin. Tinh thể màu trắng của mẫu số 2 gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,7630 gam, là loại Methamphetamin. Methamphetamin là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định số 82 /2013 /NĐ – CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Về vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 1044/PC54 của Phòng PC54 Công an thành phố Hải Phòng bên trong có chứa mẫu vật hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại Iphone vỏ màu trắng của A có số IMEL: 358758052855344, có lắp sim số 0934204901; 01 điện thoại Masstel vỏ màu đen của D có số IMEL1: 359389078350661, IMEL2: 359389078350679, có lắp sim số 0986620009; số tiền 300.000 đồng Cơ quan điều tra đang quản lý theo quy định của pháp luật .

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Airblade biển số 30H3-8894 T khai mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ ở thành phố H. Kết quả xác minh, xác định đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị V– sinh năm 1985 ở Tổ 5, khu 7, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Cơ quan điều tra- Công an huyện Nam Sách tách ra để làm rõ, xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 73/VKS-HS ngày 27/11/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố các bị cáo về tội Mua bán trái phép chất ma túy là đúng, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Xử phạt: T từ 29 đến 32 tháng tù, A từ 27 đến 29 tháng tù thời hạn tính từ ngày tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu cho tiêu hủy số ma túy, vỏ bao gói hoàn lại sau giám định, tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đồng và 02 điện thoại di động. Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an huyện Nam Sách, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản vụ việc, kết luận giám định và tang vật chứng, có đủ cơ sở kết luận: Do Nguyễn Văn T và Nguyễn Thị A đã thống nhất từ trước về việc cùng bán ma túy do T mua về để kiếm lời nên khoảng 17 giờ ngày 29/9/2017, tại khu vực cổng UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, A bán 01 gói có trọng lượng 0,0935 gam ma túy Metthamphetamine cho Nguyễn Hùng D và Vũ Đức K với số tiền 300.000 đồng. Khám xét khẩn cấp phòng trọ của A ở số nhà 4, Khu 6, phường V, thành phố H thu giữ 06 gói ma túy Metthamphetamine có tổng trọng lượng 0,7630gam do T, A cất giữ để T sử dụng và bán cho người khác. Tổng cộng 0,8565gam.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự tại địa

phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy có thành phần là Methamphetamine là vi phạm pháp luật nhưng do háms lợi vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, vụ án có hai bị cáo phạm tội, nên cần đánh giá vai trò, vị trí, tính chất mức độ hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo để có mức hình phạt phù hợp: Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người đề xuất bán ma túy, trực tiếp đi mua ma túy sau đó san ra thành các gói nhỏ nên giữ vai trò thứ nhất. Nguyễn Thị A giữ vai trò là người thực hành, sau khi được T đề xuất việc bán ma túy đã đồng ý, trực tiếp giao dịch, bán ma túy cho D, K. Do đó giữ vai trò sau bị cáo T.

[5] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án tiền sự nên áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo cần bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự có quy định về hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên hội đồng xét xử không phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Số ma túy Methamphetamin hoàn lại sau giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng của A có số IMEL: 358758052855344, có lắp sim số 0934204901 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đen của D có số IMEL1: 359389078350661, IMEL2: 359389078350679, có lắp sim số 0986620009 là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với số tiền 300.000đồng bị cáo A bán ma túy mà có nên tịch thu sung quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Airblade biển số 30H3-8894 T sử dụng đi mua ma túy, A sử dụng đi bán ma túy cho D, K; T

khai do T mua của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ ở thành phố H. Theo kết quả xác minh, xác định đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị V, sinh năm 1985 ở tổ 5, khu 7, phường T, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh. Chị V khai chị mua xe vào tháng 01/2008, đến tháng 02/2016 bị trộm cắp mất, nhưng chị không trình báo cơ quan chức năng nào, chị V đã giao nộp giấy tờ xe. Cơ quan điều tra- Công an huyện Nam Sách tách ra để làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[8] Đối với Vũ Đức K và Nguyễn Hùng D có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, cơ quan Công an huyện Nam Sách ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp. Nguyễn Văn T khai nhận có sử dụng ma túy tại phòng trọ của A, quá trình điều tra chưa đủ căn cứ nên không đặt ra xử lý là phù hợp. Đối với người đàn ông T khai đã bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra không làm rõ được tên, tuổi, địa chỉ nên chưa có căn cứ xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 33 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A.

Xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn T **32** (*ba mươi hai*) tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ 30/9/2017.

Bị cáo Nguyễn Thị A **29** (*hai mươi chín*) tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ 30/9/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu cho tiêu hủy 0,6114gam ma túy Methamphetamin cùng toàn bộ vỏ bao bì sau khi giám định hoàn lại được niêm phong trong bì thư niêm phong số 1044/PC54;

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu trắng có số IMEL: 358758052855344, có lắp sim số 0934204901

và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu đen có số IMEL1: 359389078350661, IMEL2: 359389078350679, có lắp sim số 0986620009;

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 300.000đồng;

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nam Sách và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách ngày 01/12/2017)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Nguyễn Thị A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Nam Sách;
- Sở TP tỉnh HD;
- Trại tạm giam Kim Chi;
- Chi cục THA huyện Nam Sách;
- UBND xã T;
- Bị cáo; người có quyền lợi liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đoàn Thị Thu Thúy